

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/DS-ST
Ngày 22 - 5 - 2026
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lữ Văn Tâm.

2. Bà Trần Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2026/TLST-DS ngày 30/3/2026 “Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-DS ngày 29/4/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Xuân P, sinh năm 1985, CCCD số: 064185002183, cấp ngày 22/9/2023; địa chỉ: Tổ E T, phường A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Bích V, sinh năm 1989, CCCD số: 064189014076, cấp ngày 09/6/2023; địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân P trình bày: Ngày 13/12/2025 âm lịch (ngày 31/01/2026 dương lịch), chị Trần Thị Bích V có mượn chị Nguyễn Thị Xuân P số tiền 150.000.000đ, hẹn 01 tháng sau trả nhưng chị V vẫn không trả. Vì vậy, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị V phải trả số tiền còn nợ là 150.000.000đ và tiền lãi từ ngày 01/3/2026 đến nay làm tròn là 02 tháng, với lãi suất 0,83%/tháng là 2.490.000đ. Tổng cộng, chị P yêu cầu chị V phải trả số tiền là 152.490.000đ (Một trăm năm mươi hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

* Bị đơn chị Trần Thị Bích V trình bày: Chị V thừa nhận có nợ chị P số tiền 150.000.000đ theo như giấy nợ mà chị V đã viết cho chị P. Chị V không có khả năng trả một lần số nợ trên, nên xin trả dần hàng tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Xuân P** khởi kiện đối với chị **Trần Thị Bích V**, sinh năm 1989; địa chỉ: **Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai**, yêu cầu chị **V** phải trả số tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

[2] Về nội dung: Theo yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Xuân P**, cùng với việc cung cấp chứng cứ gốc là “Giấy mượn tiền” 13/12/2025 âm lịch (ngày 31/01/2026 dương lịch), chị **V** cũng thừa nhận còn nợ chị **P** số tiền 150.000.000đ. Chị **V** xin trả dần hàng tháng, nhưng chị **P** không đồng ý, chị **P** yêu cầu trả ngay một lần số tiền 150.000.000đ, nên ý kiến của chị **V** là không có căn cứ để chấp nhận. Về tiền lãi: Chị **P** yêu cầu chị **V** phải trả số tiền lãi chậm trả kể từ thời điểm ngày 01/3/2026 đến ngày xét xử làm tròn là 02 tháng, với lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể như sau: $150.000.000đ \times 02 \text{ tháng} \times 0,83\%/tháng = 2.490.000đ$. Xét thấy, khoản tiền lãi mà chị **P** yêu cầu là phù hợp theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[3] Theo giấy vay tiền các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ là 01 tháng và không có trả lãi, nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Chị **V** chưa trả hết số tiền gốc đã vay nên chị **P** khởi kiện là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị **V** phải trả cho chị **P** số tiền gốc còn nợ là 150.000.000đ và số tiền lãi là 2.490.000đ, tổng cộng là 152.490.000đ (Một trăm năm mươi hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) là đúng theo quy định tại các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Như vậy, chị **V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $152.490.000đ \times 5\% = 7.624.500đ$. Chị **P** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466,

468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Xuân P.**

- Buộc chị **Trần Thị Bích V** phải trả cho chị **Nguyễn Thị Xuân P** số tiền gốc còn nợ là 150.000.000đ và số tiền lãi là 2.490.000đ, tổng cộng là 152.490.000đ (*Một trăm năm mươi hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị **Trần Thị Bích V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 7.624.500đ (*Bảy triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm đồng*). Chị **Nguyễn Thị Xuân P** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị **P** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.860.000đ (*Ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0002735 ngày 30/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/5/2026), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông